

Số: **21** /2009/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày ~~09~~ tháng 01 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác
khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban Nhân dân;
Căn cứ Pháp lệnh Phí, Lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001;
Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;
Căn cứ Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/09/2003 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí;
Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;
Căn cứ Nghị định số 63/2008/NĐ-CP ngày 13/05/2008 về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;
Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;
Căn cứ Thông tư số 06/2004/TT-BTC ngày 04/02/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/9/2003 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí;
Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/05/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;
Căn cứ Thông tư số 67/2008/TT-BTC ngày 21/7/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 63/2008/NĐ-CP ngày 13/5/2008 về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;
Căn cứ Nghị quyết số 23/2008/NQ-HĐND ngày 12/12/2008 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội Khoá XIII Kỳ họp thứ 17;
Xét đề nghị của Cục Thuế thành phố Hà Nội tại công văn số 17473/CT-THNVDT ngày 21/11/2008, Tờ trình Liên ngành số 1153/LN:TNMT-TC-CT ngày 21/11/2008 của Sở Tài nguyên Môi trường - Tài chính - Cục thuế và Báo cáo thẩm định số 36/STP-VBPQ ngày 08/01/2009 của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng nộp phí

Tổ chức, cá nhân có khai thác các loại khoáng sản: đá, Fenspat, sỏi, cát, đất, than, nước khoáng thiên nhiên, sa khoáng ti tan (ilmenit), các loại khoáng sản kim loại, quặng apatít.

Điều 2. Mức thu phí

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
1	Đá:		
a	Đá ốp lát, làm mỹ nghệ (granit, gabro, đá hoa...)	m ³	50.000
b	Quặng đá quý (kim cương, ru bi, saphia, emôrôt, alexandrit, opan quý màu đen, a dit, rôđôlit, pyrôp, berin, spinen, tôpaz, thạch anh tinh thể, crizolit, pan quý, birusa, nêfrit...)	Tấn	50.000
c	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	m ³	1.000
d	Các loại đá khác (đá làm xi măng, khoáng chất công nghiệp...)	m ³	2.000
2	Fenspat	m ³	20.000
3	Sỏi, cuội, sạn	m ³	4.000
4	Cát		
a	Cát vàng (cát xây tô)	m ³	3.000
b	Cát thủy tinh	m ³	5.000
c	Các loại cát khác	m ³	2.000
5	Đất:		
a	Đất sét, làm gạch, ngói	m ³	1.500
b	Đất làm thạch cao	m ³	2.000
c	Đất làm cao lanh	m ³	5.000
d	Các loại đất khác	m ³	1.000
6	Than:		
a	Than đá	Tấn	6.000
b	Than bùn	Tấn	2.000
c	Các loại than khác	Tấn	4.000
7	Nước khoáng thiên nhiên	m ³	2.000
8	Sa khoáng titan (ilmenit)	Tấn	50.000
9	Quặng apatít	Tấn	3.000
10	Quặng khoáng sản kim loại		
a	Quặng mangan	Tấn	30.000
b	Quặng sắt	Tấn	40.000
c	Quặng chì	Tấn	180.000
d	Quặng kẽm	Tấn	180.000
đ	Quặng đồng	Tấn	35.000
e	Quặng bô xít	Tấn	30.000
g	Quặng thiếc	Tấn	180.000
h	Quặng cromit	Tấn	40.000
i	Quặng khoáng sản kim loại khác	Tấn	10.000

Điều 3. Trách nhiệm của đối tượng nộp phí:

- Đăng ký nộp phí với cơ quan Thuế trực tiếp quản lý theo quy định trong thời gian chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày được phép khai thác khoáng sản.

- Kê khai số tiền phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản phải nộp hàng tháng với cơ quan Thuế theo quy định và tự nộp tiền phí vào ngân sách nhà nước tại Kho bạc nơi khai thác khoáng sản theo đúng số liệu đã kê khai với Cơ quan Thuế.

Điều 4. Các nội dung khác

Tổ chức cá nhân có liên quan có trách nhiệm và nghĩa vụ thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 63/2008/NĐ-CP ngày 13/05/2008 về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; Thông tư số 67/2008/TT-BTC ngày 21/7/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 63/2008/NĐ-CP ngày 13/5/2008 về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Điều 5. Xử lý vi phạm

Các trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/09/2003 của Chính phủ và Thông tư số 06/2004/TT-BTC ngày 04/02/2004 của Bộ Tài chính.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Kho bạc Nhà nước Thành phố Hà Nội; Cục Thuế thành phố Hà Nội; Chủ tịch UBND các quận, huyện và tương đương; Các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- TT Thành ủy, VP Thành ủy;
- Đoàn ĐB Quốc Hội Hà Nội;
- TT HĐND TP; Ban KTNS - HĐND TP;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp, TN& M.trường;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Các sở, ban ngành của TP;
- Trung tâm công báo; Công giao tiếp điện tử TP;
- CPVP, các Phòng CV;
- Lưu VT. *bt*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Mạnh Hiến